

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 03/2022/KDTM-GĐT

Ngày 22-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: - Ông Lê Văn Minh;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Lương Ngọc Trâm;

- Ông Nguyễn Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần R;

Địa chỉ: Số 364 C, Phường 13, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh H- Giám đốc Công ty Cổ phần R

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Tấn Anh K, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 36/3, Ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2012).

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956; cư trú tại: Lầu 7 Tòa nhà I, số 163H, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2012).

- *Bị đơn:*

1. Công ty B (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng quốc tế B);

Địa chỉ: No.5 B, the T, A, C District, Beijing, China (Tòa số 5, Khu 3, phường A, quận T, thành phố B, Trung Quốc).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H;

Địa chỉ: Số 151 T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Kwok F- Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc Q; cư trú tại: P1002, Tầng 10 Tòa nhà I, số 241 X, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn A;

Địa chỉ: Lầu 8 Khu B cao ốc H, số 36 B, Phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2012, ngày 28/7/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty Cổ phần R (do ông Lê Tấn Anh K và ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 02/5/2007, Công ty Cổ phần R (sau đây viết tắt là REE) và Công ty B (sau đây viết tắt là BUCG) ký Hợp đồng thầu phụ số HVTS0207REE.01 dựa trên chỉ định ngày 13/02/2007 của chủ đầu tư Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là HVTS) và quản lý dự án là Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là AIC). Theo hợp đồng này, REE cung cấp gói thầu 3B dịch vụ cơ điện cho dự án Golden Westlake tại số 151 T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội do HVTS làm chủ đầu tư và BUCG là nhà thầu chính. Tổng giá trị hợp đồng thầu phụ giữa REE và BUCG là 5.146.969,30 USD. Thời gian thi công kết thúc vào tháng 05/2008.

REE đã thực hiện gói thầu 3B dịch vụ cơ điện (ACMV/Thủy lực) theo đúng thiết kế, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn cho các hạng mục công trình tại công trình Golden Westlake như quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Ngày 20/11/2009, các bên đã tiến hành lập nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đi vào sử dụng.

Sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công trình, REE đã gửi thông báo đến chủ đầu tư yêu cầu cấp chứng chỉ nghiệm thu công trình. Căn cứ theo khoản

10.1 Điều 10 và khoản 8.2 Điều 8 trong phần các Điều kiện chung của hợp đồng đã ký, trong nhiệm vụ và quyền hạn của mình, AIC đã cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu toàn bộ công trình, theo đó: “Công trình đạt tiêu chuẩn nghiệm thu để đưa vào sử dụng từ ngày 16/06/2012”.

Căn cứ Điều 16 Phụ lục hợp đồng thầu phụ, REE đã nhiều lần nộp báo cáo quyết toán cho HVTS, AIC và BUCG, yêu cầu BUCG thanh toán toàn bộ số tiền còn lại theo hợp đồng đã ký. Đồng thời, yêu cầu chủ đầu tư (HVTS) có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm thanh toán thay cho BUCG khi BUCG không thanh toán đủ và đúng hạn cho REE.

Theo đó, tổng giá trị REE đệ trình quyết toán là 5.751.294,33 USD. BUCG và HVTS đã thanh toán cho REE đến trước ngày 07/11/2011 là 4.918.129,57 USD. Tổng giá trị BUCG và HVTS còn nợ tính đến ngày 07/11/2011 là 833.164,76 USD tương đương 17.496.459.960 đồng.

Ngày 09/12/2011, BUCG và HVTS thanh toán cho REE số tiền là 5.950.025.668 đồng tương đương 283.186,22 USD. Đến nay, BUCG và HVTS vẫn không thanh toán hết tiền nợ và không có phản hồi.

Ngày 17/02/2012, REE khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết buộc BUCG phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng thầu phụ số HVTS0207REE.01 ngày 13/02/2007, Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 là 17.782.155.340 đồng (bao gồm nợ gốc là 549.978,54 USD tương đương 11.549.549.340 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 15/02/2012 là 6.232.606.000 đồng).

Ngày 28/7/2017, REE có đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó khởi kiện bổ sung thêm bị đơn là Công ty TNHH H (trước là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); đề nghị Tòa án giải quyết buộc BUCG và HVTS liên đới chịu trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi chậm thanh toán theo Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ số HVTS0207REE.01 cho REE tạm tính đến ngày 30/7/2017 là 21.378.099.841 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 8.811.831.000 đồng tương đương 419.611,47 USD (áp dụng tỷ giá USD/VNĐ vào năm 2012: 1USD = 21.000 đồng); tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/7/2017 là 12.566.268.841 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ở vòng tố tụng thứ hai, REE trình bày trong thời gian thi công, gói thầu 3B có phát sinh tăng, cụ thể như sau:

- Gói thầu VO No.07: phát sinh 295.665,00 USD.
- Gói thầu VO No.12: phát sinh 32.360,92 USD.
- Gói thầu VO No.19: phát sinh 159.053,00 USD.
- Gói thầu VO No.22: phát sinh 117.246,21 USD.

Vì vậy, tổng giá trị hợp đồng sau khi phát sinh tăng là 5.751.294,33 USD.

Đến nay, BUCG mới chỉ thanh toán cho REE 5.201.315,79 USD, còn nợ lại số tiền 491.355,54 USD chưa thanh toán. Sau khi xét xử phúc thẩm lần thứ nhất, BUCG đã thanh toán cho REE số tiền bảo hành là 133.367,07 USD, nguyên đơn cũng chấp nhận giảm trừ phần máy lạnh là 40.000 USD, còn lại 317.988,47 USD.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Buộc BUCG và HVTS liên đới hoàn trả cho REE tiền gốc là 317.988,47 USD tương đương 7.436.160.000 đồng và tiền lãi là 8.391.734.000 đồng;

- Yêu cầu HVTS phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên cho REE.

Bị đơn:

1. Công ty B (Công ty TNHH Xây dựng quốc tế B) trình bày:

BUCG xác nhận ngày 02/5/2007 giữa BUCG và REE có ký hợp đồng thầu phụ có nội dung như REE trình bày, đến nay BUCG đã thanh toán cho REE tổng số tiền là 5.201.315,79 USD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, REE có những phát sinh tăng, tuy nhiên tổng số phát sinh tăng là 545.702,03 USD, không phải là 604.327,61 USD như REE trình bày vì hạng mục VO No.22 (theo hồ sơ của BUCG là VO No.29) chỉ phát sinh tăng là 58.623,11 USD; lý do là theo thiết kế ban đầu VO No.29 có giá trị là 117.246,11 USD nhưng khi thực hiện dự án đã thay đổi thiết kế nên không cần dùng bồn chứa ga. Các bên đã trao đổi về vấn đề này và REE đồng ý khấu trừ cho HVTS 50% giá trị bồn chứa gas là 58.623,11 USD. Ngày 24/10/2011, ông Đặng Ngọc Vinh là người đại diện của REE gửi email cho ông Choong (HVTS) đồng ý khấu trừ giá trị bồn chứa ga. Vì vậy, giá trị VO No.22 thực tế chỉ là 58.623,11 USD.

Ngoài các khoản phát sinh tăng là 545.702,03 USD, REE còn có những phát sinh giảm vì bị phạt do vi phạm an toàn và vấn đề chất lượng thi công với tổng số tiền 100.640,00 USD.

Tất cả các khoản phát sinh giảm nêu trên, REE đều biết và đồng ý, thể hiện trong các báo cáo quyết toán do REE đưa ra gửi cho HVTS và BUCG, phía REE đều tự trừ những khoản phát sinh giảm này vào. Ngoài ra, REE còn bị phạt do vi phạm tiến độ thi công là 5% giá trị hợp đồng tương đương với 257.348,47 USD.

Như vậy, sau khi đối trừ giữa các khoản phát sinh giảm với các khoản phát sinh tăng, tổng số tiền phát sinh tăng của REE còn lại là 187.713,56 USD.

Tổng giá trị hợp đồng của REE sau khi thay đổi là 5.334.682,86 USD. Đến nay, BUCG đã thanh toán cho REE khoản tiền là 5.201.315,79 USD. Chỉ còn giữ lại khoản tiền 133.367,07 USD (tương đương 2,5% giá trị hợp đồng) đây là khoản tiền phí bảo hành BUCG giữ theo quy định tại Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007

của gói thầu 3B dịch vụ kỹ thuật cơ điện: “HVTS được quyền giữ phí bảo hành là 5% giá trị hợp đồng, sau khi REE được cấp chứng chỉ nghiệm thu, HVTS sẽ thanh toán cho REE 50% số tiền phí bảo hành giữ lại; sau 2 năm, HVTS thanh toán nốt 50% số tiền phí bảo hành HVTS giữ”.

Ngày 15/6/2010, AIC phát hành chứng chỉ nghiệm thu cho REE; do vậy, thời hạn bảo hành được tính từ ngày 16/6/2010 và kết thúc vào ngày 15/6/2012 (điều này cũng đã được ông Huỳnh Thanh H là đại diện theo pháp luật của REE đồng ý thể hiện tại thư của ông Huỳnh Thanh H- Giám đốc của REE nhắc HVTS về thời hạn bảo hành sẽ kết thúc vào ngày 15/6/2012). Theo quy định của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007: trong thời gian bảo hành, nếu có sai sót thì chủ đầu tư có quyền gia hạn thời hạn bảo hành. Do trong thời gian bảo hành đã phát hiện được nhiều sai sót cần phải khắc phục của REE, đến nay chủ đầu tư đã có công văn yêu cầu gia hạn thời hạn bảo hành đến ngày 14/12/2012 nên BUCG chưa thể trả khoản tiền bảo hành này cho REE.

BUCG không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi số tiền còn nợ, bởi lẽ trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngoài những phát sinh tăng, REE còn có những phát sinh giảm. Toàn bộ số tiền công trình của REE theo Hợp đồng thầu phụ số HVTS0207REE.01 ngày 13/02/2007 và Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 bị đơn đã trả hết cho REE. Chỉ còn duy nhất khoản tiền bảo hành là 133.367,07 USD. Theo quy định hợp đồng thầu phụ và chứng chỉ nghiệm thu, thời hạn bảo hành của REE kết thúc vào ngày 15/6/2012, tuy nhiên ngày 14/6/2012, HVTS đã có công văn yêu cầu gia hạn thời hạn bảo hành đến ngày 14/12/2012 theo quy định của thỏa thuận hợp đồng thầu phụ vì REE vẫn còn 8 hạng mục công việc phải làm, đến nay REE mới thực hiện được 6 hạng mục công việc, còn 2 hạng mục là đồng hồ ga và hệ thống nước thải chưa xử lý xong. Do chưa hết thời hạn bảo hành nên REE vẫn chưa được quyền nhận khoản tiền bảo hành. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (do ông Hoàng Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Sau khi AIC mời thầu, có nhiều nhà thầu tham gia đấu thầu cung cấp gói thầu 3B dịch vụ cơ điện (điều hòa và cấp thoát nước) và REE đã trúng thầu. HVTS đã chỉ định BUCG là nhà thầu chính ký hợp đồng thầu phụ với REE. Tổng giá trị gói thầu ban đầu và thời gian thi công kết thúc là tháng 05/2008 như REE và BUCG trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có sự thay đổi về thời hạn hoàn thành. HVTS khẳng định HVTS chưa từng đồng ý lùi thời gian hoàn thành đến ngày 30/3/2010 như REE nêu, mà HVTS là chủ đầu tư luôn mong muốn công trình hoàn thành càng sớm càng tốt. Thời hạn cuối cùng để hoàn thành gói thầu của REE là ngày 31/8/2009 thể hiện tại Bảng tiến độ số 7 do BUCG đưa ra.

Thời gian thực tế REE hoàn thành gói thầu của mình là ngày 15/6/2010, điều này thể hiện ở chứng chỉ nghiệm thu AIC cấp cho REE ghi rõ ngày REE hoàn thành gói thầu của mình là ngày 15/6/2010. Các biên bản ký ngày 20/11/2009 chỉ để xác định REE đã hoàn thành hạng mục liên quan hệ thống phòng cháy chữa cháy, là một phần công việc nhỏ trong gói thầu của REE. Như vậy, REE đã hoàn thành công việc chậm tiến độ so với thời hạn các bên đã thỏa thuận. Việc phạt REE 5% giá trị hợp đồng do thi công muộn giữa REE với BUCG thì HVTS không có ý kiến vì đây là việc thực hiện thỏa thuận giữa REE với BUCG.

HVTS xác nhận số liệu phát sinh tăng và phát sinh giảm của REE như BUCG trình bày là đúng; HVTS cũng thanh toán cho BUCG gói thầu mà REE thi công là 5.201.315,79 USD. Như vậy, mọi chi phí liên quan đến gói thầu của REE, HVTS đã thanh toán hết chỉ còn giữ lại duy nhất khoản tiền 133.367,07 USD (2,5% giá trị hợp đồng) là khoản tiền phí bảo hành HVTS sẽ giữ cho đến hết thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A trình bày:

AIC xác nhận nội dung giá trị hợp đồng cũng như quá trình thực hiện hợp đồng của REE như BUCG, HVTS trình bày là đúng. AIC xác nhận số liệu BUCG đã thanh toán cho REE do REE, BUCG, HVTS đưa ra là đúng.

Thời gian cuối cùng để REE hoàn thành gói thầu là ngày 31/8/2009 được thể hiện tại Bảng tiến độ số 7 do BUCG đưa ra. Các bên chưa từng có thỏa thuận đồng ý để thời hạn hoàn thành gói thầu của REE kéo dài đến ngày 30/3/2010.

Thời gian REE hoàn công là ngày 20/11/2009; khi hoàn công REE đã đề nghị làm biên bản nghiệm thu nhưng AIC đã có công văn trả lời không đồng ý vì công việc của REE chưa đạt. Đến ngày 15/6/2010, REE hoàn thành gói thầu và được AIC cấp chứng chỉ nghiệm thu xác nhận ngày 15/6/2010 REE đã hoàn thành gói thầu của mình. Như vậy, REE có chậm tiến độ trong việc thực hiện gói thầu của mình.

Điều 10.1 trong hợp đồng thầu chính giữa HVTS và BUCG quy định trong thời gian 14 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình, nhà thầu phải có trách nhiệm gửi đơn xin cấp chứng chỉ hoàn thành cho AIC là quản lý dự án, trong vòng 28 ngày AIC phải trả lời nhà thầu về việc được hay không được cấp chứng chỉ nghiệm thu.

Khi REE gửi hồ sơ xin cấp chứng chỉ nghiệm thu cho AIC, AIC đã có công văn chỉ ra những công việc REE cần phải hoàn thành để được cấp chứng chỉ nghiệm thu. Sau ngày 20/11/2009, REE vẫn còn rất nhiều công việc phải hoàn thành. Việc REE cho rằng những công việc REE làm sau ngày 20/11/2009 chỉ thực hiện công việc được bảo hành là không đúng, vì thời hạn bảo hành công trình được tính từ

ngày cấp biên bản nghiệm thu. Do vậy, công việc bảo hành chỉ được thực hiện sau khi được nhận chứng chỉ nghiệm thu.

AIC xác nhận, REE có phát sinh giảm là 100.640,00 USD bao gồm các hạng mục cụ thể như BUCG trình bày. Tất cả các khoản phát sinh giảm đó, AIC đều căn cứ vào Điều 20.1 hợp đồng giữa BUCG và REE để ra các chỉ thị phạt và REE đều biết và đồng ý, điều này được thể hiện bởi: REE chưa từng có bất kỳ công văn nào phản đối những lần phạt này và trong bản báo cáo quyết toán của REE, REE cũng đã trừ trừ những khoản phạt này.

Đến nay, HVST còn giữ của REE khoản tiền bảo hành là 133.367,07 USD. Thời gian bảo hành của REE là ngày 16/6/2010 đến ngày 15/6/2012 thể hiện tại chứng chỉ hoàn thành công trình.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 142/2012/KDTM-ST ngày 24, 25/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần R về việc yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn nợ 17.837.659.252 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi hai đồng) của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ký giữa hai bên ngày 02/5/2007.*

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần R về việc yêu cầu Công ty TNHH H phải thanh toán số tiền 17.837.659.252 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi hai đồng) trong trường hợp Công ty B không thanh toán.*

- *Bác các yêu cầu khác của các đương sự.*

Ngày 11/10/2012, Công ty Cổ phần R có đơn kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 62/2013/KDTM-PT ngày 16/4/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định:

- *Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 142/2012/KDTM-ST ngày 24, 25/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.*

- *Ghi nhận sự thỏa thuận: Công ty B (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng quốc tế B) thanh toán số tiền phí bảo hành 133.367,07 USD cho Công ty Cổ phần R.*

Sau khi xét xử phúc thẩm, Công ty Cổ phần R có đơn đề nghị xem xét lại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2016/KDTM-KN ngày 13/4/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 62/2013/KDTM-PT ngày 16/4/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét

xử giám đốc thẩm, hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 142/2012/KDTM-ST ngày 24, 25/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2016/KDTM-GĐT ngày 07/9/2016, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Chấp nhận Kháng nghị số 15/2016/KDTM-KN ngày 13/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 62/2013/KDTM-PT ngày 16/4/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 142/2012/KDTM-ST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần R về việc yêu cầu Công ty B và Công ty TNHH H liên đới thanh toán số tiền còn nợ của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ký giữa hai bên ngày 02/5/2007.

Buộc Công ty B và Công ty TNHH H liên đới hoàn trả cho Công ty Cổ phần R số tiền cụ thể:

Tiền gốc là 317.988,47 USD tương đương 7.436.160.000 đồng (Bảy tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền lãi là 8.391.734.000 đồng (Tám tỷ ba trăm chín mươi một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Toàn bộ số tiền nêu trên do Công ty TNHH H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần R.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 15/11/2018, Công ty TNHH H có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 23/10/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

- *Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 23/2019/TLPT-KDTM ngày 14/6/2019 về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.*

- *Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.*

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 03/02/2021, Công ty TNHH H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 05/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] REE khởi kiện yêu cầu BUCG và HVTS phải liên đới thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ theo Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 với số tiền là 7.436.160.000 đồng (tương đương với 317.988,47 USD), tiền lãi (từ ngày 15/01/2010 đến ngày 18/10/2018) là 8.391.734.000 đồng; tổng cộng là 15.827.894.000 đồng; yêu cầu HVTS phải thanh toán toàn bộ số tiền này cho REE dựa trên Điều 16.7 của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 - phần II Điều kiện cụ thể của Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 và Thông báo chung ngày 12/12/2009 giữa HVTS và BUCG.

[2] Xét Thông báo chung ngày 12/12/2009 giữa HVTS và BUCG, thấy rằng: Nội dung của thông báo chung này chỉ đề cập đến quyền của HVTS là được quyền tự ý định đoạt để thanh toán trực tiếp một phần hoặc toàn bộ khoản tiền đến hạn cho nhà thầu phụ (theo toàn quyền quyết định của mình); thông báo chung này không có sự tham gia của REE và cũng không buộc HVTS phải có nghĩa vụ thanh toán cho nhà thầu phụ (REE) nếu BUCG không thanh toán tiền đến hạn cho REE.

[3] Tại Điều 16.7 của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 - phần II Điều kiện cụ thể của Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 có nội dung: *“Theo điều khoản mục 59.5 Điều khoản Hợp đồng chính, Nhà thầu phụ sẽ được quyền nhận được thanh toán trực tiếp từ Chủ đầu tư, khi có xác nhận của Tư vấn Quản lý Dự án, tất cả các khoản thanh toán, trừ khoản tiền giữ lại, cho Hợp đồng phụ, mà Nhà thầu chính không thanh toán được cho Nhà thầu phụ”*.

[4] Theo quy định nêu trên thì nhà thầu phụ (REE) sẽ được quyền nhận thanh toán trực tiếp từ chủ đầu tư (HVTS) với điều kiện là khi có xác nhận của Tư vấn Quản lý Dự án (AIC) là nhà thầu chính (BUCG) không thanh toán cho nhà thầu phụ (REE) các khoản tiền (trừ khoản tiền giữ lại cho hợp đồng thầu phụ). Như vậy,

REE chỉ có quyền là quyền nhận thanh toán trực tiếp từ HVTS với điều kiện có xác nhận của AIC về các khoản tiền mà BUCG chưa thanh toán cho REE, không phải quyền đòi HVTS phải thanh toán các khoản tiền mà BUCG chưa thanh toán cho REE. Trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu nào thể hiện AIC xác nhận việc BUCG còn nợ chưa thanh toán cho REE. Như vậy, REE không có quyền đòi HVTS phải thanh toán hoặc liên đới thanh toán các khoản tiền mà BUCG còn nợ REE theo Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 giữa BUCG và REE. Do đó, việc REE căn cứ vào Điều 16.7 của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 - phần II Điều kiện cụ thể của Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 để yêu cầu Tòa án buộc HVTS phải liên đới thanh toán và trực tiếp thanh toán trả REE số tiền là 7.436.160.000 đồng (tương đương với 317.988,47 USD), tiền lãi (từ ngày 15/01/2010 đến ngày 18/10/2018) là 8.391.734.000 đồng; tổng cộng là 15.827.894.000 đồng là không có cơ sở.

[5] Theo quy định tại Điều 3 của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 giữa BUCG và REE thì BUCG phải có nghĩa vụ trả cho REE các khoản tiền của thỏa thuận hợp đồng thầu phụ mà hai bên đã ký kết; HVTS không phải là một bên ký kết hợp đồng thầu phụ nên không bị ràng buộc nghĩa vụ của BUCG với REE theo Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007.

[6] Tại Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 25/9/2016, BUCG và HVTS xác nhận: Các bên thỏa thuận thanh lý Hợp đồng ngày 25/9/2006 cho công việc thi công tòa nhà Golden Westlake; BUCG xác nhận: Dự án trên đã được HVTS thanh toán đầy đủ cho BUCG và tất cả các đơn vị thầu phụ và nhà cung cấp đều đã được thanh toán đầy đủ cho các hạng mục mà họ đã thực hiện căn cứ theo hợp đồng thầu phụ.

[7] Như vậy, HVTS đã thanh toán toàn bộ dự án nêu trên cho nhà thầu chính BUCG và BUCG cũng đã xác nhận thanh toán đầy đủ cho các nhà thầu phụ, trong đó có REE, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào “Lẽ công bằng” để buộc HVTS thanh toán số tiền 15.827.894.000 đồng cho REE là không đúng với Điều 3 của Thỏa thuận Hợp đồng thầu phụ ngày 02/5/2007 giữa BUCG và REE, không đúng với Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 45 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Về tố tụng: HVTS là người kháng cáo, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Bản án sơ thẩm này có hiệu lực thông qua Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Do đó, mặc dù Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm là không sai, nhưng cần phải kháng nghị hủy cả Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên

và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 05/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 49/2018/KDTM-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần R với bị đơn là Công ty B, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm theo hồ sơ vụ án);
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP TANDTC, PCA phụ trách. Vụ GDKT II (03 bản),
hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Du